

Bản án số: 27/2024/HNGĐ - ST
Ngày 27-8-2023
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Luân.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Văn Tr, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đỗ Văn Tr trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 05/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Thụy Lôi, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến khoảng đầu tháng 9 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có hạnh phúc, chị H tính khô khan và hay có lời lẽ không tôn trọng anh, vợ chồng sống với nhau nhưng không có

tình cảm, không gần gũi yêu thương nhau, từ đó dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra to tiếng cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhiều nhưng không thành mà ngày càng trở nên trầm trọng. Anh chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ cuối tháng 9 năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay anh Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị với anh Đỗ Văn Tr đúng như anh Tr đã trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do ngày 14/02/2024 chị phát hiện anh Tr có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Tr vẫn không thay đổi mà vẫn tiếp tục mối quan hệ đó. Anh chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu tháng 6 năm 2024 cho đến nay không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau. Nay anh Tr xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Tr và chị H thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là Đỗ Trọng Đ, sinh ngày 21/7/2006 và Đỗ Gia H1, sinh ngày 17/7/2010. Hiện nay cháu Đ đã đủ 18 tuổi và lao động tự lập được nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh chị thoả thuận giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị H.

Về con riêng: Anh Tr và chị H thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Anh Tr và chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 7, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử cho ly hôn giữa anh Đỗ Văn Tr và chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao cháu Đỗ Gia H1, sinh ngày 17/7/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tr không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Văn Tr và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 05/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Thụy Lôi, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, chị H nghi ngờ anh Tr có quan hệ với người phụ nữ khác nên hay có lời lẽ nặng nề đối với anh Tr, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, va chạm. Nay anh Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn chị H; còn chị H mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra là thực tế, nguyên nhân là do anh Tr có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bản thân chị cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa anh Tr và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho anh Tr được ly hôn chị H là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh Tr và chị H có hai con chung là Đỗ Trọng Đ, sinh ngày 21/7/2006 và Đỗ Gia H1, sinh ngày 17/7/2010. Hiện nay cháu Đ đã đủ 18 tuổi và lao động tự lập được, anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn cháu H1 chưa đủ 18 tuổi, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ. Anh Tr, chị H thỏa thuận khi ly hôn sẽ giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng, anh Tr không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Xét sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Anh Tr, chị H cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Đỗ Văn Tr và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Gia H1, sinh ngày 17/7/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tr không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Anh Đỗ Văn Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Tr đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000160 ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Anh Tr đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho anh Tr biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Thụy Lôi;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

